

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HOÀ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2023
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Phượng
Các Hội thẩm nhân dân : 1. Ông Nguyễn Minh Á
2. Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cao Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐ-ST ngày 24/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh K, giữa các đương sự:

- 1. Nguyên đơn: Bà **Tôn Nữ Trà V**; sinh năm: 1994
Địa chỉ: 29/15 Trần Phú, phường V, thành phố N, tỉnh K. Vắng mặt.
- 2. Bị đơn: Ông **Đang Thai B (Đặng Thái B)**; sinh năm: 1995

Địa chỉ theo Giấy chứng nhận kết hôn: Ledungsvägen 6D 197 91, BRO, Thụy Điển; địa chỉ hiện nay: 6 Algvage Enköping, 745 71 Thụy Điển. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà **Tôn Nữ Trà V** trình bày: Năm 2017, bà **Tôn Nữ Trà V** kết hôn với ông **Đang Thai B (Đặng Thái B)**, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57, tại Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh K ngày 28/3/2017.

Sau một thời gian chung sống, giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, tranh cãi do tính cách, lối sống, nhận thức về gia đình cũng như quan điểm sống giữa hai vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau và không thể chia sẻ được những khó khăn trong cuộc sống. Dù được hai bên gia đình, bạn bè tâm sự, giúp đỡ tìm cách hàn gắn nhưng mâu thuẫn giữa bà và ông **Dang Thai B (Đặng Thái B)** vẫn không thể hòa giải được. Ông bà không thể chia sẻ với nhau niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống, không khí gia đình luôn nặng nề, căng thẳng. Từ lâu giữa bà và ông **Dang Thai B (Đặng**

Thái B) hoàn toàn không còn tình cảm với nhau. Ông bà chỉ là vợ chồng trên danh nghĩa, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, ông Dang Thai B (Đặng Thái B) sinh sống tại Thụy Điển, còn bà sinh sống tại Việt Nam. Vì vậy bà xin được ly hôn với ông Dang Thai B (Đặng Thái B).

Về con chung: Bà và ông B không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông B không có tài sản chung và nợ chung. Vì lý do công việc nên bà V đề nghị được xét xử vắng mặt.

* Bị đơn ông Dang Thai B (Đặng Thái B) đã được Tòa án tiến hành thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai của bị đơn theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định và nhận được văn bản số 3878/CH-BTP ngày 26/12/2022 của Bộ Tư pháp thông báo về việc đã chuyển hồ sơ cho Cơ quan có thẩm quyền của Thụy Điển để thực hiện yêu cầu ủy thác tư pháp, nhưng Cơ quan có thẩm quyền của Thụy Điển chưa có kết quả trả lời.

Ngoài ra, Tòa án cũng đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Dang Thai B (Đặng Thái B) qua đường bưu điện; niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở và Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh K và niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Dang Thai B (Đặng Thái B) tại Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển (Công Điện trả lời số 77/ĐSQTD-LS ngày 21/02/2023 của Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển), nhưng đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được phản hồi của ông Dang Thai B (Đặng Thái B).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Tôn Nữ Trà V được ly hôn với ông Dang Thai B (Đặng Thái B); về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Tôn Nữ Trà V đã có bản tự khai và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn: Ông Dang Thai B (Đặng Thái B) hiện đang sống ở Thụy Điển. Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng thông báo về thời gian tham gia tố tụng tại Tòa án thông qua địa chỉ do nguyên đơn

cung cấp và thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển, tuy nhiên đều không có kết quả. Căn cứ khoản 3 Điều 476 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh K tiến hành niêm yết thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tỉnh K, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K và Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Thụy Điển.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Tôn Nữ Trà V tự nguyện kết hôn với ông Đặng Thai B (Đặng Thái B) và được Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 28 tháng 3 năm 2017 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, tính cách, lối sống, văn hóa nên vợ chồng không thể tìm được tiếng nói chung, cũng như không thể chia sẻ với nhau những cảm xúc trong cuộc sống. Ông B đã quay trở lại Thụy Điển để sinh sống và làm việc, còn bà V ở lại Việt Nam. Bà V trình bày bà và ông B đã sống ly thân, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Tôn Nữ Trà V xin được ly hôn với ông Đặng Thai B (Đặng Thái B).

Xét thấy: Mặc dù, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đặng Thai B (Đặng Thái B) qua con đường ủy thác tư pháp và qua đường bưu điện, nhưng ông Đặng Thai B (Đặng Thái B) vẫn không có văn bản trình bày ý kiến. Điều đó cho thấy ông Đặng Thai B (Đặng Thái B) không quan tâm đến quan hệ hôn nhân này. Việc bà V cho rằng không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân với ông Đặng Thai B (Đặng Thái B) vì cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được là có cơ sở. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tôn Nữ Trà V về ly hôn với ông Đặng Thai B (Đặng Thái B).

[2.2] Về con chung: Bà Tôn Nữ Trà V xác định không có con chung, nên Tòa án không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tôn Nữ Trà V trình bày không có, nên tách phần tài sản ra để giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng: Bà Tôn Nữ Trà V là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí tố tụng về việc ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 28, khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; điểm b khoản 5 Điều 477; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tôn Nữ Trà V về “Ly hôn” với ông Đặng Thai B (Đặng Thái B).

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Nữ Trà V được ly hôn với ông Đặng Thai B (Đặng Thái B).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Tách phần tài sản ra để giải quyết trong một vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

4. Về án phí, chi phí tố tụng:

4.1. Về án phí: Bà Tôn Nữ Trà V phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0009832 ngày 19/01/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh K. Như vậy bà V đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4.2. Về chi phí tố tụng: Bà Tôn Nữ Trà V phải chịu chi phí dịch thuật và ủy thác theo đường bưu chính. Bà V đã nộp 8.000.000đ (*Tám triệu đồng*), sau khi bà V thực hiện các chi phí nói trên, số tiền còn lại bà V liên hệ với Thủ quỹ của Tòa án nhân dân tỉnh K để nhận số tiền còn lại.

5. Quyền kháng cáo: Bà Tôn Nữ Trà V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Ông Đặng Thai B (Đặng Thái B) ở nước ngoài vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn một tháng kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh K;
- UBND TP. N;
- Sở Tư pháp tỉnh K;
- Cục THADS tỉnh K;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu HS, AV, VP.

Lê Thúy Phụng